TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/DS-ST
Ngày 11/4/2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Huỳnh Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024QĐXXST-DS ngày 08/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Anh **Trần Minh H1**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Từ năm 2019 đến năm 2021 chị có tham gia các dây hụi do anh H1, chị H làm đầu thảo cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 30/01^{âl}/2019, một tháng khui một lần, có 32 phần, chị tham gia 01 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc (Quân)", chị đóng hụi được 30 lần thì anh H1, chị H tuyên bố ngưng hụi, số tiền trong dây hụi này chị được nhận là 30 lần x 1.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/7^{âl}/2019, một tháng khui một lần, có 33 phần, chị tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc", chị đóng hụi

được 26 lần thì anh H1, chị H tuyên bố ngưng hụi, số tiền trong dây hụi này chị được nhận là 26 lần x 2.000.000 đồng x 02 phần = 104.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/7âl/2019, một tháng khui một lần, có 30 phần, chị tham gia 01 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc", chị đóng hụi được 26 lần thì anh H1, chị H tuyên bố ngưng hụi, số tiền trong dây hụi này chị được nhận là 26 lần x 1.000.000 đồng = 26.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 25/01âl/2021, một tháng khui một lần, có 27 phần, chị tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc", chị đóng hụi được 04 lần thì anh H1, chị H tuyên bố ngưng hụi, số tiền trong dây hụi này chị được nhận là 04 lần x 2.000.000 đồng x 02 phần = 16.000.000 đồng.

Tổng cộng anh H1, chị H nợ chị 176.000.000 đồng, chị yêu cầu anh H1, chị H trả số tiền trên một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh H1, chị H trả số tiền 105.600.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Trần Minh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tại phiên hòa giải ngày 29/01/2024 chị H thừa nhận chị N có tham gia các dây hụi do chị làm đầu thảo, sau khi ngưng hụi thì chị còn nợ chị N số tiền 105.600.000 đồng, chị H đồng ý trả số tiền này nhưng khi nào có tiền chị mới trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N yêu cầu anh H1, chị H trả tiền hụi nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh H1, chị H đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị N, anh H1, chị H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị N yêu cầu anh H1, chị H trả số tiền 105.600.000 đồng của 04 dây hụi do chị H làm đầu thảo. Xét thấy, tại 04 sổ hụi do chị N cung cấp có tên các hụi viên, trong đó chị N tham gia cụ thể như sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 30/01âl/2019, một tháng khui một lần, có 32 phần, chị N tham gia 01 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc (Quân)", đóng hụi được 30 lần x 1.000.000 đồng = 30.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20/7âl/2019, một tháng khui một lần, có 33 phần, chị N tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc", đóng hụi được 26 lần x 2.000.000 đồng x 02 phần = 104.000.000 đồng;

Dây hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/7âl/2019, một tháng khui một lần, có 30 phần, chị N tham gia 01 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc", đóng hụi được 26 lần x 1.000.000 đồng = 26.000.000 đồng;

Dây hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 25/01âl/2021, một tháng khui một lần, có 27 phần, chị N tham gia 02 phần, trong giấy hụi ghi tên "Ngọc", đóng hụi được 04 lần x 2.000.000 đồng x 02 phần = 16.000.000 đồng.

Sau khi chị H tuyên bố ngưng hụi thì còn nợ chị N tổng cộng 176.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị N chỉ yêu cầu anh H1, chị H trả lại tiền vốn là 105.600.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nhận thấy, tại phiên hòa giải ngày 29/01/2024 chị H xác định chị N có tham gia 04 dây hụi do chị làm đầu thảo và thừa nhận sau khi ngưng hụi thì chị còn nợ chị N tổng cộng 105.600.000 đồng, chị H đồng ý trả số tiền này nhưng khi nào có tiền mới trả là không có thiện chí trả nợ, cố tính kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị N. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu anh H1, chị H trả số tiền 105.600.000 đồng sau khi án có hiệu pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh H1 biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và triệu tập nhiều lần nhưng anh H1 vắng mặt và không có ý kiến phản đối. Mặc khác, trong thời gian chị H làm đầu thảo anh H1 cũng có tham gia vì có những lần anh H1 là người đi gom tiền hụi thay chị H, số tiền hoa hồng có được từ việc làm đầu thảo thì chị H cũng sử dụng cho gia đình. Do anh H1 và chị H là vợ chồng đang chung sống với nhau nên anh H1 cũng phải có nghĩa vụ cùng chị H trả số tiền 105.600.000 đồng cho chị N.

[4] Án phí: Anh H1, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 471, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các điều 15, 18, 21, 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu anh Trần Minh H1 và chị Nguyễn Thị Thu H trả số tiền 70.400.000đ (Bảy mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Buộc anh Trần Minh H1 và chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 105.600.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, sáu trăm nghìn đồng), trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Minh H1 và chị Nguyễn Thị Thu H chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Anh Trần Minh H1 và chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 5.280.000đ (Năm triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị N số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014871 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnhTiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thảo Lan